TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2018/DS-PT
Ngày: 06-02-2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng thuê xe".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lưu Ngọc Thạch

2/ Bà Phạm Thị Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 641/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng thuê xe".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 693/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5056/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M**;

Địa chỉ trụ sở: 134A đường TL15, khu phố 3C, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C** – Tổng Giám đốc (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đại S** ;

Địa chỉ: Số 50, đường số 27, Lê Đức Thọ, Phường D, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ **Ngân hàng TMCP K** (Techcombank).

Địa chỉ trụ sở: Số 191 phố Bà Triệu, phường Q, quận R, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 15, số 9-11, Tôn Đức Thắng, phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn P; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 15, số 9-11 Tôn Đức Thắng, phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016).

3.2/ **Hộ kinh doanh: H** ;

Địa chỉ: 79 đường Xuân Hồng, Phường B, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hộ kinh doanh: Bà **Lê Thị O**. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 25/3/2015, Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M (sau đây gọi tắt là Công ty M) và ông Nguyễn Đại S có ký Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX có nội dung Công ty M cho ông Nguyễn Đại S thuê chiếc xe Ford Everest 07chỗ, biển kiểm soát 51A-820.21, màu xe: ghi xám, sản xuất: năm 2014, số khung: RL05SUHAMEJR21544; số máy: WLAT1387203; chứng nhận đăng ký xe số: 180906 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2014, Công ty M đứng tên chủ sở hữu; giá thuê: 16.000.000 đồng; tiền đặt cọc: 15.000.000 đồng; thời hạn thuê xe từ ngày 24/3/2015 đến hết ngày 20/4/2015. Trên xe có gắn một thiết bị định vị quan sát từ xa.

Trước ngày ký hợp đồng, ngày 24/3/2015, Công ty M đã bàn giao chiếc xe trên cho Ông S tại địa chỉ 134A đường TL15, khu phố 3C, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015 giữa Công ty M và Ông S.

Chiếc xe này Công ty M mua từ năm 2014 có giá trị 795.000.000 đồng, trong tổng số tiền mua xe có 500.000.000 đồng Công ty vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần K (Techcombank) - Chi nhánh Gia Định – Phòng giao dịch Nguyễn Oanh; thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014 với nội dung Công ty M vay của ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe ô tô dưới 09 chỗ; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng cho khoản giải ngân trong thời gian từ ngày 05/7/2014 đến ngày 05/7/2018 là:

+ Lãi suất thả nổi như sau:

- Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân trong thời gian từ ngày 05/7/2014 đến ngày 31/7/2017 là: 12,14%/năm.

- Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 01 và bằng lãi suất cơ sở trung hạn khối khách hàng doanh nghiệp (+) biên độ 4,5%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên Công ty M đã thế chấp cho Ngân hàng xe ô tô mới 100%; Ford Everest 07 chỗ, biển kiểm soát 51A-820.21, màu xe: ghi xám, sản xuất: năm 2014, số khung: RL05SUHAMEJR21544; số máy: WLAT1387203. Hiện nay, Công ty M còn nợ ngân hàng số tiền 279.176.781 đồng.

Đã hết thời hạn thuê xe như quy định trong hợp đồng nhưng cho đến nay Ông Svẫn không bàn giao xe lại cho Công ty M như thỏa thuận mà cho rằng chiếc xe này đã bị mất. Do đó, Công ty M yêu cầu Ông Sphải trả cho Công ty M các khoản sau:

- Trị giá 01 xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển kiểm soát 51A-820.21: 795.000.000 đồng.

- Trị giá các thiết bị trên xe, tổng cộng số tiền: 30.282.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lót sàn cao cấp Malaysia và bọc trần Everest: 2.200.000 đồng.

+ Camera hành trình Blackvue DR 3500-FHD và thiết bị định vị GPS: 9.580.000 đồng.

+ Màn hình Sony 6.95XAV–W1, thiết bị dẫn đường parogo K630, camera, màn hình gối đầu: 18.502.000 đồng.

- Phí đăng kiểm xe: 340.000 đồng.

- Biển số xe: 1.000.000 đồng.

- Bảo hiểm vật chất xe: 10.335.600 đồng.

- Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng.

- Lãi suất ngân hàng từ ngày 20/4/2015 đến ngày 28/9/2017 là: 919.857.000 đồng x 12,4%/năm x 30 tháng = 279.176.781 đồng.

Tổng cộng số tiền: 1.198.775.200 đồng.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn – ông Nguyễn Đại S vắng mặt trong phiên xét xử. Tại bản tự khai ngày 11/01/2016 và trong quá trình hòa giải, đối chất ông Nguyễn Đại S trình bày như sau:

Ngày 25/3/2015, ông với tư cách đại diện cho Hộ kinh doanh: H có ký với bà Nguyễn Thị C Hợp đồng thuê xe tự lái, nội dung bà C cho Hộ kinh doanh: H thuê xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển kiểm soát 51A-820.21; giá trị hợp đồng 16.000.000 đồng; thời hạn thuê xe từ ngày 24/3/2015 đến hết ngày 20/4/2015. Tuy nhiên, người thực chất thuê chiếc xe này là ông. Sở dĩ, ông có thể ký với tư cách Hộ kinh doanh H vì ông là nhân viên Hộ kinh doanh: H nên được bà Lê Thị O tin tưởng giao cho hợp đồng của Hộ kinh doanh nên khi ký hợp đồng thuê xe tự lái với bà C ông tự lấy mẫu hợp đồng đã đóng sẵn dấu của Hộ kinh doanh: H để ký với bà C. Trước ngày ký hợp đồng, ngày 24/3/2015, ông đã nhận chiếc xe trên tại địa chỉ 134A đường TL15, khu phố 3C, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh. Sau đó, ông cho bà Nguyễn Thị G thuê lại chiếc xe ông đã thuê của bà C . Tuy nhiên, cho đến nay ông không liên lạc được với bà G . Ngày 25/3/2015, bà C yêu cầu ông ký lại hợp đồng số 01/2015-HĐTX; bên cho thuê là Công ty M, bên thuê xe là ông (Nguyễn Đại S). Nội dung thuê và đối tượng thuê như hợp đồng thuê xe tự lái ngày 25/3/2015 đã lập trước đây giữa bên cho thuê là bà Nguyễn Thị C và bên cho thuê là Hộ kinh doanh H. Sự việc ông cho bà G thuê xe và không trả ông đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến nay chưa cho kết quả giải quyết.

Ngày 07/5/2015, ông đã chuyển cho bà C số tiền 13.700.000đồng. Nay Công ty M yêu cầu ông bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe nêu trên ông không đồng ý vì muốn chờ kết quả giải quyết từ Công an.

Đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K – ông Phan Văn P trình bày:

Ngày 04/7/2014, Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Gia Định - Phòng Giao dịch Nguyễn Oanh có cho Công ty M vay số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH.

Để đảm bảo khoản vay, Công ty M đã thế chấp chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 51A-820.21, số khung: RL05SUHAMEJR21544; số máy: WLAT1387203 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 428/TFCO-HĐMB-14 ngày 17/6/2014 và giấy hẹn chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2014.

Nay, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: nợ gốc: 312.494.000 đồng; nợ lãi: 59.000.000 đồng; tổng nợ: 371.494.000 đồng.

Ngày 20/12/2016, Ngân hàng có nộp đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền đã nợ 371.494.000 đồng. Nếu Công ty M không thanh toán khoản nợ trên thì sẽ phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì Công ty M có nghĩa vụ trả hết số nợ cho ngân hàng. Ngân hàng cũng đã được Tòa án yêu cầu đóng tạm ứng án phí nhưng cho đến nay ngân hàng chưa đóng vì sau khi nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí công việc của ông bận rộn nên ông quên mất thời gian phải đóng tạm ứng án phí. Nay, ngân hàng không có ý kiến gì với phần nợ vay của Công ty M với ngân hàng trong vụ án này; ngân hàng sẽ khởi kiện Công ty M trong vụ kiện dân sự khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Hộ Kinh doanh H đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 693/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 và Quyết định bổ sung sửa chữa bản án số 2346/2017/QĐ- SCBSBA ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A , Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M.

Buộc ông Nguyễn Đại S phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M số tiền 740.000.000 (bảy trăm bốn mươi triệu) đồng phát sinh từ Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 được ký giữa Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M và ông Nguyễn Đại S, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M buộc ông Nguyễn Đại S bồi thường số tiền là 458.775.200 (bốn trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm) đồng; trong đó: tiền các trang thiết bị trên xe, phí đăng kiểm xe, phí bảo hiểm vật chất xe, tiền biển số xe, lệ phí trước bạ số tiền là: 124.598.419 đồng; tiền lãi suất ngân hàng từ ngày 20/4/2015 đến ngày 28/9/2017 là: 279.176.781 đồng; giá trị chiếc xe ôtô 07 chỗ Ford Everest 4 x 2 AT, biển số 51A-820.21, số khung: RL05SUHAMEJR21544; số máy: WLAT1387203 do Công ty Ford Việt Nam sản xuất là: 55.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M phải chịu số tiền là: 2.551.000 (hai triệu ba trăm năm mươi mốt ngàn) đồng. Bị đơn ông Nguyễn Đại S phải chịu số tiền là 33.600.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/2017, nguyên đơn – Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất ngân hàng từ thời điểm không trả xe (ngày 20/4/2015) đến khi bồi thường cho công ty theo lãi suất 12,14%/năm số tiền 279.176.781 đồng, giữ nguyên yêu cầu bị đơn và Hộ Kinh doanh H cùng liên đới bồi thường trị giá xe là 795.000.000 đồng; trang thiết bị trên xe là 30.282.000 đồng, Phí đăng kiểm xe: 340.000 đồng, Biển số xe: 1.000.000 đồng, Bảo hiểm vật chất xe: 10.335.600 đồng, Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; tiền thuê xe 18.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2015 đến ngày bồi thường tạm tính là 34 tháng số tiền là 612.000.000 đồng

Bị đơn – ông Nguyễn Đại S triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Người đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K – ông Phan Văn P triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hộ kinh doanh: H đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết tiền thuê xe từ ngày 20/4/2015 đến xét xử, tiền thuê xe mỗi tháng 16 triệu/đồng, tổng cộng 34 tháng, tiền gắn các thiết bị trên xe, giá trị xe, lãi xuất nợ ngân hàng…

Xét thấy các yêu cầu trên tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Đối với tiền thuê xe do yêu cầu mới phát sinh. Để đảm bảo hai cấp xét xử cần thiết hủy án sơ thẩm, giao lại cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 693/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân quận A , Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn – Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ M về việc đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể yêu cầu bị đơn và Hộ Kinh doanh H cùng liên đới bồi thường trị giá xe là 795.000.000 đồng; trang thiết bị trên xe là 30.282.000 đồng, phí đăng kiểm xe: 340.000 đồng, biển số xe: 1.000.000 đồng, bảo hiểm vật chất xe: 10.335.600 đồng, lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; tiền thuê xe 18.000.000 đồng/tháng kể từ 5/2015 đến ngày bồi thường tạm tính là 34 tháng số tiền là 612.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 ký giữa Công ty M và ông Nguyễn Đại S cùng lời trình bày của đại diện Công ty M và ông S, Hội đồng xét xử nhận thấy đối tượng đứng tên trên Hợp đồng thuê xe theo ông S lúc đầu là Hộ kinh doanh H và bà C nhưng thực chất ông Smới là người thực sự thuê chiếc xe trên và đã có hành vi gian dối dùng danh nghĩa của Hộ kinh doanh H để ký hợp đồng nhưng không thông qua đại diện chủ hộ. Sau khi sự việc được phát hiện, các

bên đã ký lại hợp đồng số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015; về ngày ký hợp đồng số 01/2015-HĐTX Ông S cho rằng đó là ngày 15/5/2015 nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, đủ cơ sở xác định ông Slà người thuê và nhận chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 51A-820.21 từ Công ty M theo Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 và Biên bản giao/nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ hợp đồng thuê xe.

Theo nội dung hợp đồng thì đến ngày 20/4/2015 là ngày hết hạn hợp đồng thuê xe ông Sphải hoàn trả chiếc xe trên lại cho Công ty M nhưng ông S không hoàn trả chiếc xe lại cho Công ty M nên việc Công ty M khởi kiện yêu cầu ông S phải bồi thường là có cơ sở.

Tuy nhiên, toà sơ thẩm chỉ xem xét và giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc bồi thường trị giá xe, trang thiết bị trên xe, phí đăng ký xe, bảo hiểm vật chất xe, lệ phí trước bạ xe, tiền biển số xe,tiền lãi suất ngân hàng, toà sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền thuê xe từ thời điểm thuê xe đến thời điểm bồi thường số tiền 18.000.000 đồng/tháng là chưa xem xét đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn, trong khi tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2016 nguyên đơn đã có yêu cầu này và tại phiên toà Phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu toà án giải quyết tiền thuê xe mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn trong cùng vụ án. Do vậy, để đảm bảo hai cấp xét xử cần phải huỷ án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân quận A xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[2] Do huỷ án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 693/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0027711 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A ;
- THADS quận A ;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền